

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả dập dờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều
Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.*

*Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa
Việt Nam đất nắng chan hòa
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung.*

(Trích *Việt Nam quê hương ta*, Nguyễn Đình Thi,

Dẫn theo Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại*, NXB Thanh niên, 1999)

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0.5 điểm)

Câu 2. Trong bốn dòng thơ đầu, tác giả đã chọn những hình ảnh nào để tái hiện khung cảnh đất nước Việt Nam? (0.5 điểm)

Câu 3. Đoạn thơ đã thể hiện tình cảm gì của tác giả với quê hương, đất nước? (1.0 điểm)

Câu 4. Đọc đoạn thơ, anh/ chị cảm nhận được những vẻ đẹp nào của nhân dân, đất nước? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Dựa vào nội dung của bốn dòng thơ được in đậm trong đoạn thơ ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận về đoạn thơ sau:

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất tổ Hùng Vương
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm*

*Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...*

(Trích *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm, Dẫn theo Ngữ văn 12, tập một)

Nhận xét về chất liệu văn học được Nguyễn Khoa Điềm sử dụng trong đoạn thơ trên.

-----Hết-----

(Học sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ tên học sinh:.....SBD.....

HƯỚNG DẪN CHẤM THI THỬ THPT QG LẦN 1

Môn: Ngữ Văn 12

Năm học: 2020 - 2021

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Đoạn thơ được viết theo thể thơ lục bát	0.5
	2	Các hình ảnh: <i>Mênh mông biển lúa; Cánh cò bay lả dập dờn; Mây mờ che đỉnh Trường Sơn.</i>	0.5
	3	Tình cảm của tác giả: yêu thương, gắn bó, tự hào, kiêu hãnh,... về nhân dân, đất nước.	1.0
	4	- Cần tập trung khái quát những vẻ đẹp của thiên nhiên và con người đất Việt: + Thiên nhiên vừa gần gũi, thơ mộng, êm đềm; vừa hùng vĩ, trù phú, tràn trề sức sống. + Con người vừa hiền hòa, bình dị; vừa bất khuất, hiên ngang- dẫu nếm trải bao nhiêu vất vả, gian nan, đau thương, mất mát mà tâm hồn vẫn sáng trong, nhân hậu, thủy chung	0.5 0.5
II		LÀM VĂN	7.0
1		Viết đoạn văn về vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam được thể hiện trong 4 câu thơ...	2.0
	a.	Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam được thể hiện trong 4 câu thơ...	0.25
	c.	Triển khai vấn đề cần nghị luận Tham khảo gợi ý sau: - Trên hành trình mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã phải luôn đương đầu với những thử thách nghiệt ngã, đã phải nếm trải nhiều gian khổ, mất mát, hi sinh... - Dân tộc Việt Nam đã vượt lên mọi gian nan, thử thách, mất mát, đau thương, bằng sức mạnh của tinh thần bất khuất, sức sống mãnh liệt và tâm hồn nhân ái, bao dung, tình nghĩa... - Dân tộc Việt Nam mang vẻ đẹp hiền hậu, chất phác trong cuộc sống đời thường.	1.0
	d.	Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e.	Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
2		Cảm nhận về đoạn thơ trong trích đoạn <i>Đất Nước</i>... Từ đó, nhận xét về việc sử dụng chất liệu văn học của Nguyễn Khoa Điềm.	5.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận về đoạn thơ. Từ đó, nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn học	0.5

	của Nguyễn Khoa Điềm.	
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* <i>Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, trường ca “Mặt đường khát vọng” và đoạn trích Đất Nước, dẫn dắt vào đoạn thơ cần phân tích, cảm nhận.</i>	0.5
	* <i>Cảm nhận về đoạn thơ</i> - Nguyễn Khoa Điềm đã mang đến cái nhìn mới mẻ, sâu sắc về không gian địa lí của đất nước. Qua cách cảm nhận của nhà thơ, tất cả núi sông, rừng bể ấy đều là tặng vật của nhân dân. + Điệp từ <i>góp cho</i> khẳng định công lao vĩ đại của nhân dân. + Bằng trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn, nhân dân đã biến những sự vật vô tri, vô giác thành sống động, phi thường. + Nhân dân đã góp cả tên tuổi, cuộc đời mình cho quê hương, xứ sở. Nhân dân đã truyền cả tâm hồn mình vào cảnh vật... để Đất Nước trở nên có linh hồn, có sự sống. Vóc hình của Đất Nước ở nơi đâu cũng là vóc hình của nhân dân. - Cách miêu tả của nhà thơ khiến cho không gian địa lí của đất nước không còn đơn thuần là những giá trị vật chất, những điều kiện tự nhiên mà trở thành máu thịt và tâm hồn ông cha.	2.0
	* <i>Nhận xét về việc sử dụng chất liệu văn học của Nguyễn Khoa Điềm</i> Nhà thơ sử dụng chất liệu văn học văn hóa dân gian một cách sáng tạo và linh hoạt (sự tích, truyền thuyết, thần thoại, cổ tích,...). Từ đó, tạo nên một không gian lãng mạn, bay bổng. Dùng chính trí tưởng tượng của nhân dân để lí giải về đất nước của nhân dân. Đó là cách làm hết sức thuyết phục.	0.5
	* <i>Đánh giá</i> - Qua cái nhìn có chiều sâu về không gian địa lí đất nước, nhà thơ đã thể hiện tư tưởng Đất Nước – Nhân dân và hơn thế là niềm tự hào sâu lắng, là tình yêu đối với từng ngọn núi, con sông, tên đất, tên làng bởi đó là sự hóa thân của bao cuộc đời, bao số phận con người. Đoạn thơ cũng cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa chính luận và trữ tình, cảm xúc và suy tưởng.	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sự suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

-----Hết-----